



Thứ ba, ngày 9 tháng 10 năm 2018

Vietnam Daily Review

Thanh khoản sụt giảm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/10/2018		•	
Tuần 8/10-12/10/2018		•	
Tháng 10/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động nhẹ ở phiên sáng, giảm co ở phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm GAS (+1.66 điểm); TCB (+0.43 điểm); VJC (+0.40 điểm); NVL (+0.39 điểm); MWG (+0.15 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-1.13 điểm); MSN (-0.65 điểm); MBB (-0.47 điểm); STB (-0.17 điểm); CTG (-0.17 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu dịch vụ và dầu khí, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,672.9 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 5.68 điểm. Thị trường có 127 mã tăng và 161 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 0.07 điểm, đóng cửa tại 996.19 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.09 xuống 114.30 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 99.56 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VNM (52.4 tỷ), VIC (39.93 tỷ) và AAA (25.27 tỷ). Tuy nhiên, họ đã mua ròng 2.56 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index biến động nhẹ trong phiên sáng, nhóm cổ phiếu dầu khí như GAS, PLX hút dòng tiền, nhóm bluechips như VJC, VCB, MWG, VIC cũng hỗ trợ tích cực cho thị trường. Trong phiên chiều, lực bán tập trung ở nhóm cổ phiếu ngân hàng như VPB, STB, CTG, MBB và các cổ phiếu bluechips như MSN, HPG khiến chỉ số giảm nhẹ. Khối ngoại bán ròng tập trung ở VNM và VIC. Trên quan điểm của BSC, thị trường đang trong giai đoạn điều chỉnh, có khả năng sẽ tiếp tục giao dịch dưới mức 1,000 điểm.

Phân tích kỹ thuật:

GEX_ Tích lũy

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **996.19**
Giá trị: 3672.9 tỷ **0.07 (0.01%)**
Khối ngoại (ròng): -99.56 tỷ

HNX-INDEX **114.30**
Giá trị: 570.25 tỷ **-0.08 (-0.07%)**
Khối ngoại (ròng): 2.56 tỷ

UPCOM-INDEX **53.70**
Giá trị: 342.6 tỷ **0.03 (0.06%)**
Khối ngoại(ròng): 13.42 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	74.7	0.52%
Giá vàng	1,190	0.15%
Tỷ giá USD/VND	23,356	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,805	-0.08%
Tỷ giá JPY/VND	20,632	0.05%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
TCH	59.8	VIC	92.2
BID	54.0	MSN	89.1
YEG	47.2	VJC	37.5
STB	40.6	VCB	35.1
KBC	11.7	PLX	13.2

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

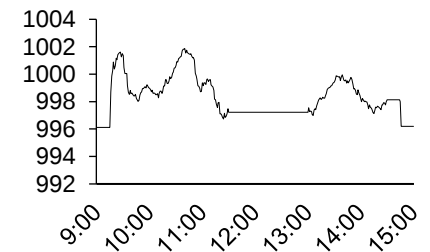
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
MBB	13.0	23.1	22	24	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
STB	11.5	13.6	12	14	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
HPG	6.6	41.0	37	43	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
MWG	4.6	129.5	116	132	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
ACB	4.4	33.7	31	35	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VIC	4.0	96.6	92	104	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
HSG	4.0	13.2	12	13	MUA	Tăng giá kéo dài
CTG	3.9	26.7	27	28	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
BSR	3.8	18.8	16	21	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
VJC	3.6	143.0	134	154	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

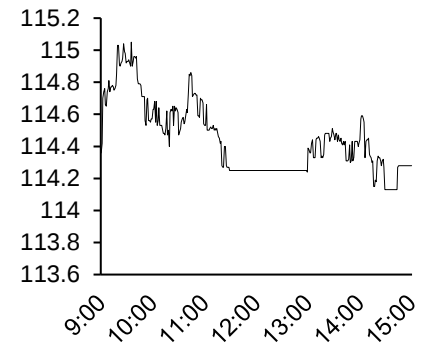
Phân tích kỹ thuật

GEX_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ trên đường trung tâm
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, hướng về kênh Bollinger dưới.
- Đường MA: Đường MA 20 vượt đường MA 50. Cả 2 đường nằm trên MA200

Nhận định: GEX nằm trong xu hướng tích lũy với biên độ ngày càng hẹp. Cổ phiếu hiện tại có mức thanh khoản đạt mức trung bình. Hiện tại xu hướng vận động MACD và chỉ báo RSI cũng cho thấy tín hiệu cổ phiếu đang điều chỉnh ngắn hạn. Xu hướng vận động 3 đường MA cho thấy cổ phiếu đang điều chỉnh ngắn hạn sau khi hồi phục ở giai đoạn trung hạn. Như vậy, cổ phiếu GEX sẽ vận động tích lũy trong kênh giá 28-29 và có thể vượt đỉnh lịch sử 32 nếu dòng tiền chảy mạnh vào các phiên bất phá.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1810	973.5	0.0%	-4.2%
VN30F1811	973.9	0.1%	-23.6%
VN30F1812	972.8	0.1%	-73.0%
VN30F1903	973.2	-0.1%	-29.2%

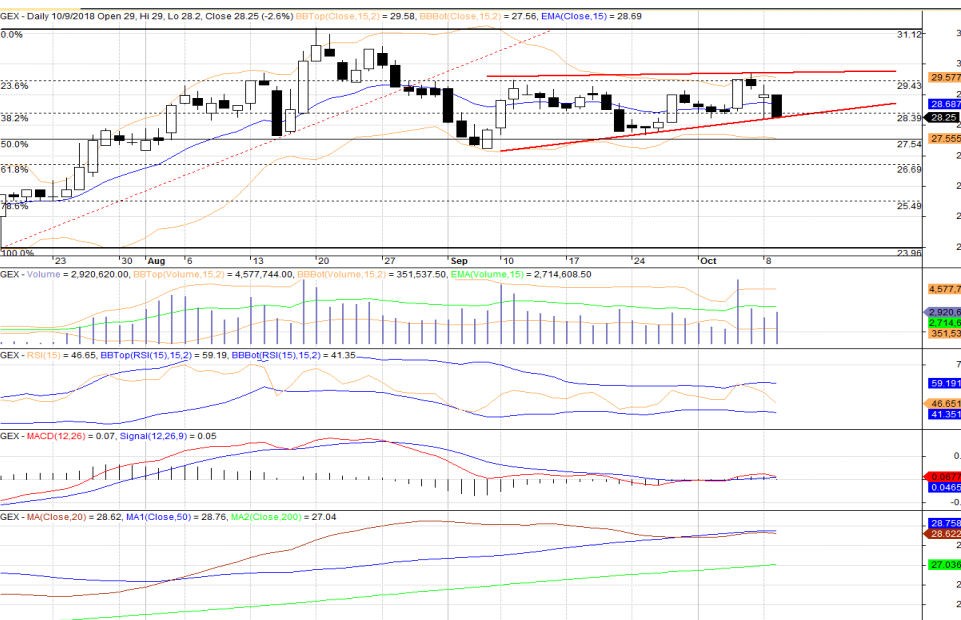
Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	143	1.7	1.1
NVL	65	2.2	0.8
MWG	130	1.2	0.5
GAS	119	2.4	0.5
PNJ	109	1.8	0.4

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MBB	23	-3	-1.4
VNM	131	-2	-1.3
MSN	88	-2	-1.3
STB	14	-2	-0.9
HPG	41	0	-0.4



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	37.00	13.1%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	15.85	25.8%	11.6	14.5
3	HBC	26/9/2018	25.20	23.95	-5.0%	23.2	29.0
4	PTB	10/4/2018	64.00	68.00	6.3%	58.9	73.6
Trung bình					11.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	MBB	27/4/2015	13.8	23.05	67.0%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	41.00	61.0%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	66.90	59.7%	39.8	60.0
4	GEX	2/4/2018	29.4	28.25	-3.9%	27.9	40.0
Trung bình					45.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	PVT	23/06/2016	11.1	18.8	68.9%	17.0	22.7
2	ACB	2/2/2018	32.4	33.7	4.0%	30.8	45.0
3	PNJ	21/08/2018	105.0	108.6	3.4%	95.0	125.0
Trung bình					25.5%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	129.5	1.2%	0.6	1,818	4.6	8,472	15.3	5.6	49.0%	43.9%	
PNJ	Bán lẻ	108.6	1.8%	0.9	766	2.5	5,110	21.3	5.2	49.0%	33.9%	
BVH	Bảo hiểm	92.6	-0.5%	1.5	2,822	0.1	1,831	50.6	4.3	24.8%	8.5%	
PVI	Bảo hiểm	33.4	-0.3%	0.8	336	0.1	1,984	16.8	1.1	43.9%	7.7%	
VIC	Bất động sản	96.6	0.0%	1.1	13,405	4.0	1,292	74.8	6.9	7.5%	11.2%	
VRE	Bất động sản	39.3	0.0%	1.1	3,248	1.9	791	49.7	2.9	31.5%	5.7%	
NVL	Bất động sản	64.9	2.2%	0.8	2,561	1.2	2,534	25.6	4.2	8.3%	18.7%	
REE	Bất động sản	37.0	0.1%	1.0	499	0.9	5,319	7.0	1.4	49.0%	20.9%	
DXG	Bất động sản	28.9	0.5%	1.5	439	2.2	2,870	10.1	2.4	46.2%	26.2%	
SSI	Chứng khoán	32.7	0.3%	1.3	709	1.9	2,585	12.6	1.8	56.4%	14.4%	
VCI	Chứng khoán	64.1	-0.5%	1.0	454	0.3	4,289	14.9	3.4	41.1%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	66.9	-0.9%	1.3	377	0.2	6,129	10.9	3.0	61.8%	29.3%	
FPT	Công nghệ	44.7	-0.7%	0.9	1,192	0.8	5,094	8.8	2.3	49.0%	28.6%	
FOX	Công nghệ	52.0	0.0%	0.4	511	0.0	3,453	15.1	3.9	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	119.3	2.4%	1.6	9,928	0.9	5,796	20.6	5.3	3.6%	27.4%	
PLX	Dầu khí	67.1	0.4%	1.5	3,381	1.6	3,254	20.6	4.1	11.0%	18.3%	
PVS	Dầu khí	23.2	2.2%	1.8	451	3.0	1,620	14.3	1.0	20.7%	6.8%	
BSR	Dầu khí	18.8	-1.6%	0.8	2,534	3.8	#N/A	N/A	#N/A	N/A	36.9%	23.0%
DHG	Dược	91.5	-2.5%	0.5	520	1.8	4,035	22.7	4.1	49.5%	18.4%	
DPM	Hóa chất	18.5	-0.5%	1.0	315	0.2	1,444	12.8	0.9	20.8%	8.0%	
DCM	Hóa chất	10.6	1.0%	0.6	243	0.3	790	13.4	0.9	4.0%	6.6%	
VCB	Ngân hàng	61.7	0.2%	1.4	9,651	2.3	3,140	19.6	3.8	20.8%	20.5%	
BID	Ngân hàng	36.1	0.3%	1.7	5,366	2.0	2,329	15.5	2.5	2.5%	16.7%	
CTG	Ngân hàng	26.7	-0.6%	1.6	4,322	3.9	2,085	12.8	1.5	30.0%	12.2%	
VPB	Ngân hàng	25.2	-0.4%	1.2	2,692	3.5	2,663	9.5	2.2	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	23.1	-2.9%	1.3	2,165	13.0	2,113	10.9	1.7	20.0%	16.3%	
ACB	Ngân hàng	33.7	0.0%	1.2	1,827	4.4	2,887	11.7	2.3	29.8%	21.7%	
BMP	Nhựa	66.6	-2.1%	0.8	237	0.5	5,642	11.8	2.3	76.9%	19.6%	
NTP	Nhựa	49.0	-1.6%	0.4	190	0.0	4,932	9.9	2.1	23.1%	22.0%	
MSR	Tài nguyên	21.6	-1.4%	1.2	845	0.0	229	94.4	1.7	2.6%	1.8%	
HPG	Thép	41.0	-0.5%	0.9	3,786	6.6	4,210	9.7	2.4	39.7%	30.1%	
HSG	Thép	13.2	-1.1%	1.4	220	4.0	1,861	7.1	1.0	19.5%	14.0%	
VNM	Tiêu dùng	130.9	-1.6%	0.6	9,911	3.8	5,065	25.8	8.8	59.1%	34.9%	
SAB	Tiêu dùng	223.2	0.0%	0.8	6,223	0.3	7,082	31.5	9.1	9.7%	31.2%	
MSN	Tiêu dùng	88.0	-2.0%	1.1	4,450	2.6	5,370	16.4	5.4	38.4%	32.2%	
SBT	Tiêu dùng	20.6	1.0%	0.8	444	1.3	1,053	19.6	1.6	8.4%	11.1%	
ACV	Vận tải	83.0	-1.2%	0.8	7,857	0.1	1,883	44.1	6.6	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	143.0	1.7%	1.1	3,367	3.6	9,463	15.1	7.3	24.3%	67.1%	
HVN	Vận tải	38.5	0.8%	1.7	2,092	0.8	1,727	22.3	3.1	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	28.2	-0.7%	0.9	363	1.2	6,218	4.5	1.4	20.4%	30.1%	
PVT	Vận tải	18.8	-1.1%	0.8	229	0.1	2,168	8.6	1.4	34.3%	17.2%	
VCS	Vật liệu xây dựng	83.0	1.8%	1.0	577	2.6	5,657	14.7	4.9	2.5%	46.4%	
VGC	Vật liệu xây dựng	18.4	-1.1%	0.9	359	0.8	1,309	14.1	1.3	24.8%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	2.3%	0.6	263	0.5	1,537	10.3	1.1	4.9%	10.9%	
CTD	Xây dựng	165.8	-0.2%	0.8	564	0.3	20,360	8.1	1.7	44.0%	22.5%	
VCG	Xây dựng	18.8	-4.6%	1.5	361	3.0	2,715	6.9	1.3	10.6%	19.2%	
CII	Xây dựng	26.6	0.8%	0.6	283	0.5	(39)	#N/A	N/A	1.3	55.0%	-0.2%
POW	Điện	15.2	-1.9%	0.6	1,548	1.4	1,026	14.8	1.3	71.7%	9.1%	
NT2	Điện	26.4	-1.1%	0.7	330	0.1	2,912	9.1	2.1	21.4%	19.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	119.30	2.40	1.67	169930.00
TCB	29.75	1.36	0.44	2.66MLN
VJC	143.00	1.71	0.40	586610.00
NVL	64.90	2.20	0.40	414530.00
MWG	129.50	1.17	0.15	823360.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	130.90	-1.58	-1.14	660630.00
MSN	88.00	-2.00	-0.65	669990.00
MBB	23.05	-2.95	-0.47	12.85MLN
STB	13.55	-2.17	-0.18	19.46MLN
CTG	26.70	-0.56	-0.17	3.34MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGT	5.36	6.99	0.01	6530.00
SVT	5.99	6.96	0.00	10.00
BTT	34.80	6.91	0.01	70.00
C47	18.65	6.88	0.01	115030.00
CLG	2.82	6.82	0.00	34640.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SII	19.95	-6.99	-0.03	210.00
TTF	4.39	-6.99	-0.02	1.72MLN
DAT	26.05	-6.96	-0.03	20.00
DTA	7.35	-6.96	0.00	10.00
HVG	7.62	-6.96	-0.04	149520.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	23.20	2.20	0.12	2.97MLN
VCS	83.00	1.84	0.05	721300.00
DHT	42.60	8.40	0.05	26200.00
L14	48.30	5.69	0.03	117200.00
PMC	67.60	8.16	0.03	300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	8.70	-1.14	-0.11	5.18MLN
ART	7.50	-9.64	-0.08	5.91MLN
VCG	18.80	-4.57	-0.06	3.45MLN
OCH	5.80	-7.94	-0.05	300.00
VGC	18.40	-1.08	-0.04	935200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

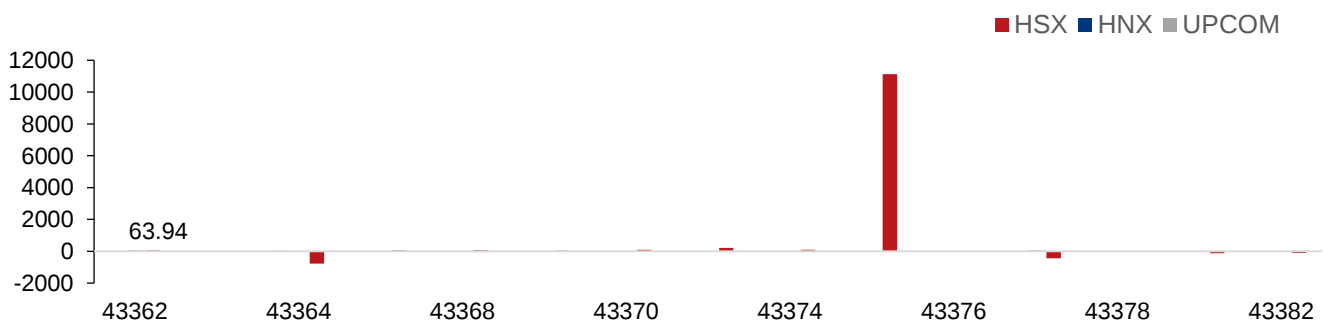
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.90	12.50	0.00	379900.00
TMX	11.00	10.00	0.00	100.00
SRA	39.10	9.83	0.01	11700.00
PSE	9.00	9.76	0.00	200.00
SGH	49.70	9.71	0.01	400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.80	-11.11	-0.01	87500.00
SDG	29.10	-9.91	-0.01	100.00
C69	4.60	-9.80	0.00	7400.00
ART	7.50	-9.64	-0.08	5.91MLN
VSM	10.90	-9.17	0.00	9500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	16.1	170	94.5	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	26.4	2,912	9.1	2.1	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.1	1,003	14.1	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	28.0	-831	#N/A	2.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	33.7	2,887	11.7	2.3	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	45.0	5,570	8.1	1.5	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	17.9	1,035	17.2	1.6	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	18.8	2,168	8.6	1.4	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	41.0	4,210	9.7	2.4	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	28.9	2,870	10.1	2.4	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	17.1	2,847	6.0	1.2	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	34.1	5,765	5.9	1.9	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	44.7	5,094	8.8	2.3	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	61.7	3,140	19.6	3.8	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	23.2	1,620	14.3	1.0	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	23.1	2,113	10.9	1.7	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	165.8	20,360	8.1	1.7	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.7	-697	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	101.0	18,378	5.5	1.6	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	108.6	5,110	21.3	5.2	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

